TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HIỆP HÒA** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:61/2023/DS-ST.
Ngày: 31/7/2024
"V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Tuấn
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thanh Miện
Ông Nguyễn Ngọc Trứ
Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Hoàng Quyền - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hiệp Hòa.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa tham gia phiên toà: Ông Vũ Đình Ước – Kiểm sát viên.
Trong ngày 31/7/2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hiệp Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 243/2023/TLST-DS ngày 23 tháng 10 năm 2023 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36a/2024/QĐXXST-DS ngày 24/4/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 58a/2024/QĐST-DS ngày 24/5/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 74a/2024/QĐST-DS ngày 25/6/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 79/2024/QĐST-DS ngày 10/7/2024 giữa.
- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V (V1).
Trụ sở chính: Số H L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.
Đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D- Chủ tịch Hội đồng quản trị.
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Hoàng L – Giám đốc trung tâm thu hồi nợ khách hàng
Người nhận ủy quyền lại: Ông Lê Ngọc Đ – Chuyên viên XLN – có mặt
- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1984. Vắng mặt
Chị Triệu Thị X, sinh năm 1984. Vắng mặt
Nơi thường trú: Thôn T, xã T, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP V ông Lê Ngọc Đ trình bày:

Theo các Hợp đồng cấp tín dụng ký kết giữa Ngân hàng TMCP V (gọi tắt là V1) và vợ chồng ông Nguyễn Văn H, bà Triệu Thị X.

Ngân hàng TMCP V cấp tín dụng cho ông Nguyễn Văn H, bà Triệu Thị X, theo các hợp đồng như sau:

- Hợp đồng vay kiêm hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN1806270762453 ngày 05/07/2018:

+ Số tiền vay: 367.000.000 đồng.

+ Thời hạn vay: 96 tháng kể từ ngày 06/7/2018

+ Mục đích sử dụng vốn: Thanh toán tiền mua xe ô tô CEVROLET AVEO LT 1.4L MT;

+ Lãi suất trong hạn: Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 9,8% năm (lãi suất được tính theo năm với một năm là 365 ngày). Lãi suất cho vay trong hạn được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/1 lần vào các ngày 01/01, 01/04, 01/07 và 01/10 hàng năm. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 06/10/2018, ngày điều chỉnh lãi suất tiếp theo là ngày 01/01/2019. Mức lãi suất điều chỉnh được xác định bằng Lãi suất tiết kiệm VNĐ áp dụng đối với khoản vay có tài sản bảo đảm dành cho khách hàng cá nhân kỳ hạn 24 tháng được bên Ngân hàng công bố có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh (+) biên độ 5,9%/năm. Lãi suất quá hạn: Lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn băng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

- Hợp đồng Thẻ tín dụng sô 250-P-1991220 ngày 07/07/2018, theo đó:

+ Số tiền vay: 6,000,000 đồng (Sáu triệu đồng);

+ Thời hạn vay: Thời hạn 60 tháng, tính từ ngày 07/07/2018.

+ Mục đích sử dụng vốn: Vay tiêu dùng;

+ Lãi suất trong hạn: Theo quy định của V1;

Tài sản bảo đảm cho các khoản vay nêu trên là: 01 xe ô tô mang nhãn hiệu CHEVROLET AVEO, số khung 69XDTH952420, số máy 403181250023. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 035603 có BKS so 98A-187.60 do Phòng C Công an tỉnh B cấp ngày 04/07/2018 thuộc quyền sở hữu/sử dụng của ông Nguyễn Văn H và bà Triệu Thị X. Chi tiết Hợp đồng cho vay kiêm Hợp đông thế chấp xe ô tô số LN1806270762453 ngày 05/07/2018 giữa V1 với ông Nguyễn Văn H và bà Triệu Thị X. Tất cả các phụ tùng, thiệt bị, vật phụ ... được lắp thêm, thay thế vào Tài sản thế chấp cũng thuộc tài sản Thể chấp.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng trên, ông Nguyễn Văn H và bà Triệu Thị X đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 19/01/2021 và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng.

Tính đên thời điểm khởi kiện ngày 12/06/2023 ông Nguyên Văn H1, bà Triệu Thị X còn nợ V1 tổng số tiền là:

- Nợ gốc: 251.797.680 đồng
- Nợ lãi: 127.696.701 đồng
- Nợ thẻ tín dụng: 22.538.287 đồng
- Tổng cộng: 402.032.668 đồng

Tại phiên tòa hôm nay V1 yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn H và bà Triệu Thị X thanh toán hết nợ cho V1 tính đến ngày 31/7/2024 gồm:

Hợp đồng vay kiêm hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN1806270762453 ngày 05/07/2018 và hợp đồng thẻ tín dụng số 250- P -1991220 ngày 25/6/2018 là

489.145.270 đồng trong đó (Nợ gốc: 248.052.986 đồng; nợ lãi 203.937.241 đồng, nợ lãi chậm trả 37.155.042 đồng).

Trường hợp ông H, bà X không thanh toán cho Ngân hàng V1, V1 có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là: 01 xe ô tô mang nhãn hiệu CHEVROLET AVEO, số khung 69XDTH952420, số máy 403181250023. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 035603 có BKS số 98A-187.60 do Phòng C Công an tỉnh B cấp ngày 04/7/2018 thuộc quyền sở hữu/sử dụng của ông Nguyễn Văn H và bà Triệu Thị X.

*** Bị đơn ông Nguyễn Văn H và bà Triệu Thị X vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai tại biên bản ghi lời khai ngày 20/11/2023 trình bày:**

Ông H, bà X thừa nhận ngày 05/7/2018 có vay của Ngân hàng TMCP V số tiền 367.000.000 đồng, lãi suất vay là 9,8%/năm, thời hạn vay là 96 tháng. Khi vay có ký hợp đồng vay đề ngày 05/7/2018, mục đích vay để mua xe ô tô. Quá trình thực hiện hợp đồng thì ông bà đã thnah toán được một phần tiền gốc và lãi suất. Khi vay ông bà có thế chấp 01 xe ô tô mang nhãn hiệu CHEVROLET AVEO, số khung 69XDTH952420, số máy 403181250023, BKS số 98A-187.60. Khi ký hợp đồng vay và hợp đồng thế chấp xe ô tô là do hai ông bà ký trực tiếp. Đến hạn ông H và bà X đã thanh toán được một phần tiền gốc và tiền lãi, số tiền gốc còn lại là 251.797.680 đồng, lãi trong hạn 127.696.701 đồng, N thẻ tín dụng 22.538.287 đồng cả gốc và lãi. Tổng số tiền ông bà còn nợ V1 là 402.032.668 đồng.

Nay V1 yêu cầu ông H, bà X trả số tiền cọn nợ thì hai ông bà đồng ý trả nhưng xin được trả dần do kinh tế khó khăn.

Đối với chiếc xe ô tô thế chấp thì ông H, bà X có cho một người ở trên Thái Nguyên thuê, hai ông bà không biết tên, tuổi, địa chỉ cụ thể, sau đó người đó lừa bán mất xe nên hiện nay không còn xe thê chấp nữa.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông H, bà X vẫn vắng mặt không có lời khai tại phiên tòa.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 157; Điều 158; Điều 227, Điều 228, Điều 271; Điều 273 và Điều 278 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 317, Điều 318, Điều 319 của Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ khoản 2 Điều 91; khoản 2 Điều 95; Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng; Căn cứ điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí.

Xử:

- Buộc ông Nguyễn Văn H, bà Triệu Thị X trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền là 489.145.270 đồng trong đó (Nợ gốc: 248.052.986 đồng; nợ lãi

203.937.241 đồng, nợ lãi chậm trả 37.155.042 đồng) tính đến hết ngày 31/7/2024:

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm(ngày 31/7/2024 cho đến khi thi hành xong bản án ông Nguyễn Văn H, bà Triệu Thị X1 còn phải chịu các khoản nợ lãi phát sinh theo thỏa thuận tại vay theo lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng vay kiêm hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN1806270762453 ngày 05/07/2018 và Hợp đồng Thẻ tín dụng sô 250-P-1991220 ngày 07/07/2018 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Kể từ ngày Bản án/Quyết định của Tòa án có hiệu lực thi hành nếu ông Nguyễn Văn H, bà Triệu Thị X không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng TMCP V có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm của khoản vay nói trên để thu hồi khoản nợ cho N1, tài sản bảo đảm là: 01 xe ô tô mang nhãn hiệu CHEVROLET AVEO, số khung 69XDTH952420, số máy 403181250023, BKS số 98A-187.60 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 035603 do Phòng C – Công an tỉnh B cấp ngày 04/7/2018 cho ông Nguyễn Văn H.

- Về án phí: Ông Nguyễn Văn H, bà Triệu Thị X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, Ngân hàng TMCP V không phải chịu án phí sơ thẩm.
- Về chi phí xem xét thẩm định: Ông Nguyễn Văn H, bà Triệu Thị X1 phải chịu theo quy định của pháp luật.

Đề nghị tuyên quyền kháng cáo cho đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng TMCp V đã nộp hoàn toàn hợp lệ, đảm bảo đầy đủ, đúng pháp luật. Bị đơn cư trú trên địa bàn huyện H do vậy Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa.
- Đối với ông Nguyễn Văn H, bà Triệu Thị X đã được Tòa án thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng.Tòa án đã thông báo cho ông H, bà X về các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại Điều 207, 208 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng vẫn vắng mặt. Do vậy Tòa án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử và tống đạt hợp lệ cho ông Nguyễn Văn H, bà Triệu Thị X, tuy nhiên vẫn văng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227; 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiếp tục xét xử vụ án.
- Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết: Căn cứ Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ, các tài liệu do Ngân hàng giao nộp, lời khai của các đương sự và tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử thấy: Khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa xác định đây là tranh chấp hợp đồng dân sự quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu buộc ông Nguyễn Văn H, bà Triệu Thị X phải thanh toán trả số tiền nợ gốc và nợ lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết và khế ước nhận nợ tính đến ngày 31/7/2024 là 489.145.270 đồng trong đó (Nợ gốc: 248.052.986 đồng; nợ lãi 203.937.241 đồng, nợ lãi chậm trả 37.155.042 đồng).

Hội đồng xét xử xét thấy: Các bên tham gia hợp đồng có đủ năng lực hành vi dân sự và tự nguyện giao kết hợp đồng, nội dung và mục đích của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Việc lập hợp đồng được thực hiện đúng theo trình tự pháp luật về tín dụng Ngân hàng.

Bị đơn ông Nguyễn Văn H, bà Triệu Thị X vắng mặt tại phiên tòa hôm nay, tuy nhiên có lời khai đều thừa nhận việc ký kết các hợp đồng tín dụng và hiện do khó khăn về kinh tế lên không thể thanh toán ngay cho Ngân hàng, ông H, bà X xin trả dần.

Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 317, Điều 318, Điều 319 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91; khoản 2 Điều 95; Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V.

Do ông H, bà X là vợ chồng do vậy cần căn cứ các Điều 27; Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình để buộc ông Nguyễn Văn H, bà Triệu Thị X phải liênđới trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền tính đến hết ngày 31/7/2024 là 489.145.270 đồng trong đó (Nợ gốc: 248.052.986 đồng; nợ lãi 203.937.241 đồng, nợ lãi chậm trả 37.155.042 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm(ngày 31/7/2024 cho đến khi thi hành xong bản án ông Nguyễn Văn H, bà Triệu Thị X1 còn phải chịu các khoản nợ lãi phát sinh theo thỏa thuận tại vay theo lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng vay kiêm hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN1806270762453 ngày 05/07/2018 và Hợp đồng Thẻ tín dụng sô 250-P-1991220 ngày 07/07/2018 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Về xử lý tài sản thế chấp: Ông H, bà X khai đã bị người khác lừa bán mất chiếc xe nhưng ông H, bà X không có tài liệu gì để chứng minh, ngoài ra ông H bà X không trình báo Cơ quan có thẩm quyền. Như vậy Hội đồng xét xử xét thấy lời khai này không có căn cứ.

Để bảo đảm cho toàn bộ nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ đã ký kết giữa Ngân hàng TMCP V với ông Nguyễn Văn H, bà Triệu Thị X1.

Kể từ ngày Bản án/Quyết định của Tòa án có hiệu lực thi hành, Ngân hàng TMCP V có yêu cầu thi hành bản án nếu ông Nguyễn Văn H, bà Triệu Thị X không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng TMCP V có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm của khoản vay nói trên để thu hồi khoản nợ, tài sản bảo đảm là: 01 xe ô tô mang nhãn hiệu CHEVROLET AVEO, số khung 69XDTH952420, số máy 403181250023, BKS số 98A-187.60 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 035603 do Phòng C – Công an tỉnh B cấp ngày 04/7/2018 cho ông Nguyễn Văn H.

Trường hợp số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông Nguyễn Văn H, bà Triệu Thị X vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng TMCP V.

[3]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí.

- Ông Nguyễn Văn H, bà Triệu Thị X phải chịu 23.565.811 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền tạm ứng đã nộp còn lại là 10.050.000 đồng theo biên lai số 0000330 ngày 23/10/2023 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa.

án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[4]. Về chi phí xem xét thẩm định: Căn cứ Điều 157; Điều 158 Bộ Luật tố tụng dân sự ông Nguyễn Văn H, bà Triệu Thị X1 phải chịu 2.000.000 đồng.

[5]. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 157; Điều 158; Điều 227, Điều 228, Điều 271; Điều 273 và Điều 278 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 317, Điều 318, Điều 319 và Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 2 Điều 91; khoản 2 Điều 95; Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng.

Căn cứ Điều 27; Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí.

Xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V.

- Buộc ông Nguyễn Văn H, bà Triệu Thị X trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền là 489.145.270 đồng (bốn trăm tám mươi chín triệu, một trăm bốn mươi năm nghìn, hai trăm bảy mươi đồng) trong đó (Nợ gốc: 248.052.986 đồng; nợ lãi 203.937.241 đồng, nợ lãi chậm trả 37.155.042 đồng) tính đến hết ngày 31/7/2024:

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm(ngày 31/7/2024) cho đến khi thi hành xong bản án ông Nguyễn Văn H, bà Triệu Thị X1 còn phải chịu các khoản nợ lãi phát sinh theo thỏa thuận tại vay theo lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng vay kiêm hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN1806270762453 ngày 05/07/2018 và Hợp đồng Thẻ tín dụng sô 250-P-1991220 ngày 07/07/2018 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Kể từ ngày Bản án/Quyết định của Tòa án có hiệu lực thi hành nếu ông Nguyễn Văn H, bà Triệu Thị X không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ

nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng TMCP V có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm của khoản vay nói trên để thu hồi khoản nợ cho N1, tài sản bảo đảm là: 01 xe ô tô mang nhãn hiệu CHEVROLET AVEO, số khung 69XDTH952420, số máy 403181250023, BKS số 98A-187.60 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 035603 do Phòng C – Công an tỉnh B cấp ngày 04/7/2018 cho ông Nguyễn Văn H.

Trường hợp số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông Nguyễn Văn H, bà Triệu Thị X vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng TMCP V.

2**. Về án phí:**

- Ông Nguyễn Văng H2, bà Triệu Thị X liên đới phải chịu 23.565.811 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền tạm ứng đã nộp còn lại là 10.050.000 đồng theo biên lai số 0000330 ngày 23/10/2023 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ông Nguyễn Văn H, bà Triệu Thị X phải liên đới trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền là 2.000.000 đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Báo cho nguyên đơn có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc niêm yết bản án.

5. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- Chi cục THADS huyện Hiệp Hòa;
- Các đương sự;
.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Tuấn